

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15A/2021/DS-PT.

Ngày: 27/01/2021.

“V/v Tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết, bà Trần Thị Hà.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh BG .

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/01/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh BG xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền " do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện YD , tỉnh BG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 227/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B do ông Nguyễn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Số 1, đường LTT, phường TP , thành phố BG , tỉnh BG .

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Thanh T , chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh BG (có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K1 , sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn S, thị trấn K, huyện LG, tỉnh BG (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn S, thị trấn K, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt).

* *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn K1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B , Ông Dương Thanh T trình bày:*

Vào ngày 02/01/2018 ông Nguyễn Văn K1 có ký hợp đồng mua bán giống với Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD theo Hợp đồng mua bán giống số: 05/HĐTT những loại giống cây trồng, chủng loại và giá cả cụ thể như sau:

1. Lúa giống BC 15 số lượng 2.500 kg có đơn giá là 33.000 đồng/01 kg thành tiền là 82.500.000 đồng.

2. Lúa giống ADI 30 số lượng 2.000 kg có đơn giá là 33.000 đồng/01 kg thành tiền là 66.000.000 đồng.

3. Lúa giống TBR 225 số lượng 3.800 kg có đơn giá là 35.000 đồng/01 kg thành tiền là 133.000.000 đồng.

Tổng giá trị của hợp đồng là 281.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thanh toán từ ngày 25/02/2018 đến ngày 05/3/2018 chậm nhất không quá ngày 20/3/2018, (quá hạn phải chịu lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày hết hạn hợp đồng), Nếu sau 01 tháng quá hạn ông K1 không thanh toán được cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD thì Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD lập hồ sơ chuyển cơ quan pháp luật giải quyết theo luật định.

Từ ngày 10/7/2018 ông Nguyễn Văn K1 có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng nên Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD đã ngừng bán hàng với ông K1 trong khi ông K1 vẫn còn nợ tiền Chi nhánh, mặc dù Chi nhánh đã nhiều lần đôn đốc, thu hồi công nợ nhưng ông K1 vẫn không trả.

Ngày 25/8/2019 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 đã đối chiếu và xác nhận công nợ bằng văn bản số tiền nợ là 300.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 18.500.000 đồng.

Ngày 19/9/2019 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 tiếp tục đối chiếu và xác nhận công nợ bằng văn bản số tiền nợ là 300.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 18.500.000 đồng.

Ngày 14/3/2020 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 có làm biên bản làm việc bằng văn bản số tiền nợ gốc và lãi là 321.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 39.500.000 đồng.

Ngày 05/5/2020 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 có làm biên bản làm việc bằng văn bản số tiền nợ gốc và lãi là 321.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 39.500.000 đồng.

Kể từ ngày 05/5/2020 đến nay phía Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD vẫn thực hiện việc đôn đốc thu hồi nợ với ông Nguyễn Văn K1 tuy nhiên phía ông Nguyễn Văn K1 không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và tiền lãi suất cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD .

Nay, ông đại diện theo ủy quyền cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B yêu cầu ông Nguyễn Văn K1 phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tổng số tiền nợ gốc và lãi là 321.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 39.500.000 đồng.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là ông Nguyễn Văn K1 trình bày:*

Ông và ông Nguyễn Thành P (cán bộ của Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD) có địa chỉ tại tổ dân phố số 3, thị trấn NB , huyện YD có mối quan hệ là bạn bè với nhau. Sau khi hai bên thống nhất có trao đổi hàng hóa với nhau, cụ thể là các loại giống lúa và ngô giống. Khoảng đầu năm 2016 ông có lấy ngô giống của ông P và một số bạn hàng khác và bị Công an kinh tế huyện LG , cùng Đội quản lý thị trường huyện LG kiểm tra và bị tạm giữ từ 02 giờ 00 phút đến 24 giờ 00 phút, ngày 04/01/2016. Sau đó ông P

lên chở ngô giống về nhà. Hai bên có đối chiếu công nợ, theo đó ông còn nợ là khoảng 300.000.000 đồng. Do ông P làm tại Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD nên mọi thủ tục giấy tờ liên quan đều do ông P làm, ông tin bạn nên đều ký vào. Việc mua bán kinh doanh giữa ông và ông Nguyễn Thành P, vợ ông là bà Đặng Thị N không hay biết và không liên quan gì đến việc này.

Ông nhất trí về khoản nợ của Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD, ông đồng ý trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 21.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông đề nghị Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD cho ông trả nợ trong vòng ba năm, mỗi năm là 100.000.000 đồng, riêng năm cuối trả nốt 121.000.000 đồng. Nếu phía đại diện Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD không nhất trí thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N trình bày:* Bà không liên quan gì đến việc kinh doanh của ông Nguyễn Văn K1 nên không biết việc kinh doanh của ông K1 là gì.

* Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG đã quyết định:

Áp dụng: Điều 357, Điều 385, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436 và Điều 440 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B số tiền 321.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 281.500.000 đồng và nợ lãi là 39.500.000 đồng.

2. Buộc anh Nguyễn Văn K1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B số tiền 321.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 281.500.000 đồng và nợ lãi là 39.500.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày hoàn trả xong số tiền nợ gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2020 bị đơn là ông Nguyễn Văn K1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS – ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG. Đề nghị TAND tỉnh BG xét xử lại toàn bộ vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Bị đơn trình bày nội dung kháng cáo và quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết: Tôi không đồng ý với khoản nợ 321.000.000 đồng vì năm 2016 đã bị Công an kinh tế bắt giữ hàng hóa do chất lượng kém nên bị xử phạt. Vì vậy năm 2018 tôi không còn nguồn lực để kinh doanh nữa. Việc bản án sơ thẩm cho rằng năm 2018 tôi ký hợp đồng mua giống là không đúng sự thật.

Tôi có quan hệ với anh P cán bộ chi nhánh Công ty Vật tư KTNN YD nên có mua giống lúa, giống ngô của anh P để bán lại cho khách hàng nhưng do chất lượng kém nên không bán được.

Ngoài ra tôi yêu cầu Công ty xuất hóa đơn của Hợp đồng năm 2018 nhưng không được cung cấp nên tôi chưa thanh toán. Tôi có mua 2.500kg ngô giống với giá 112.000đồng/ 1 kg của Công ty Vật tư KTNN B, sau đó Công ty lấy lại 1.500 kg nhưng khi thanh toán không trừ giá trị tiền ngô đã lấy lại cho tôi.

Về các hợp đồng, giấy tờ nhận nợ, cam kết trả nợ có chữ ký của tôi thì tôi xác nhận là đúng và chịu trách nhiệm về các tài liệu đó. Tôi chỉ yêu cầu xuất hóa đơn của Hợp đồng năm 2018 thì tôi sẽ thanh toán tiền cho Công ty.

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Về khoản tiền mua ngô ông K1 trình bày không liên quan đến Hợp đồng năm 2018 đã ký với chi nhánh mà là mối quan hệ kinh tế khác giữa ông K1 và Công ty Vật tư KTNN B. Về hợp đồng năm 2018 ông K1 ký với chi nhánh là mua thóc giống. Về chứng từ hóa đơn Công ty sẽ cung cấp cho ông K1 khi thanh toán khoản nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1, Điều 148-Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu 300.000 đ án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp cho Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, HĐXX thấy bà N đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Nội dung kháng cáo không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Ngà. Do đó sự vắng mặt của bà N không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với Bà Đặng Thị N.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng mua bán giữa Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 được ký kết tại chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 02/01/2018 ông Nguyễn Văn K1 có ký hợp đồng mua bán giống với Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD theo Hợp đồng mua bán giống số: 05/HĐTT với tổng giá trị của hợp đồng là 281.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thanh toán từ ngày 25/02/2018 đến ngày 05/3/2018 chậm nhất không quá ngày 20/3/2018, (quá hạn phải chịu lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày hết hạn hợp đồng), đến nay ông Nguyễn Văn K1 chưa thanh toán cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD tiền gốc và lãi. Công ty đã nhiều lần đòi chiếu công nợ và ông K1 đã xác nhận, hứa sẽ trả nợ nhưng không thực hiện. Ngày 23/6/2020, Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B nộp đơn khởi kiện ra

Tòa án yêu cầu ông K1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 321 triệu đồng. Các bên không có tranh chấp về hợp đồng số 05 đã ký kết ngày 02/01/2018. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại Điều 440- Bộ luật Dân sự là có căn cứ pháp luật theo quy định tại khoản 3, Điều 26-Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3]. Về thời hiệu: Ngày 02/01/2018 ông Nguyễn Văn K1 có ký hợp đồng mua bán giống với Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD với tổng giá trị của hợp đồng là 281.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian thanh toán từ ngày 25/02/2018 đến ngày 05/3/2018 chậm nhất không quá ngày 20/3/2018, đến nay ông Nguyễn Văn K1 chưa thanh toán cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD tiền gốc và lãi. Ngày 25/8/2019, ông Nguyễn Văn K1 ký cam kết trả nợ số tiền 300.000.000 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD chậm nhất đến ngày 15/9/2019. Ngày 19/9/2019, ông Nguyễn Văn K1 ký cam kết trả nợ số tiền 300.000.000 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD chậm nhất đến ngày 30/9/2019. Ngày 14/3/2020, Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp tại YD và ông Nguyễn Văn K1 đối chiếu công nợ là số tiền 300.000.000 đồng và 21.000.000 đồng tiền lãi, thời gian thanh toán là trước ngày 30/3/2020. Ngày 23/6/2020 Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Như vậy, Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B khởi kiện vụ án là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3.4]. Về nội dung vụ án:

[3.4.1]. Ngày 02/01/2018, ông Nguyễn Văn K1 có ký hợp đồng mua bán giống lúa với Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD với tổng giá trị của hợp đồng là 281.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian thanh toán từ ngày 25/02/2018 đến ngày 05/3/2018 chậm nhất không quá ngày 20/3/2018, (quá hạn phải chịu lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày hết hạn hợp đồng) theo Hợp đồng mua bán giống ngày 02/01/2018. Quá thời hạn thanh toán ông K1 không trả được nợ, Công ty đôn đốc nhiều lần thì ông K1 đều xác nhận công nợ và cam kết thời hạn trả nợ. Ngày 05/5/2020 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD và ông Nguyễn Văn K1 có làm biên bản làm việc bằng văn bản số tiền nợ gốc và lãi là 321.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền lãi là 39.500.000 đồng.

[3.4.2]. Ông Nguyễn Văn K1 thừa nhận việc có ký hợp đồng mua bán giống với Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD với tổng giá trị của hợp đồng là 281.500.000 đồng. Ông K1 đồng ý trả cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tổng số tiền là 321.000.000 đồng, đề nghị Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tại YD cho ông trả nợ trong vòng ba năm, mỗi năm là 100.000.000 đồng, riêng năm cuối trả nốt 121.000.000 đồng.

[3.4.3]. Quá trình giải quyết đã hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức thanh toán nên đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B đề nghị Tòa án nhân dân huyện YD buộc một mình ông K1 phải có trách nhiệm trả Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B là 321.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 39.500.000 đồng, HĐXX thấy:

- Về tiền gốc: căn cứ hợp đồng đã ký kết giữa các bên, các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ xác định ông K1 còn nợ Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B số tiền gốc là 281.500.000 đồng. Do ông K1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K1 phải thanh toán trả Công ty số tiền gốc 281.500.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

- Về tiền lãi: Do phía Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B và ông Nguyễn Văn K1 thỏa thuận tiền nợ lãi là 39.500.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn K1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B số tiền nợ gốc là 281.500.000 đồng và nợ lãi là 39.500.000 đồng, tổng cộng là 321.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật theo quy định tại các Điều 357, Điều 385, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436 và Điều 440- Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Quá trình xét xử phúc thẩm ông K1 không có chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

Về yêu cầu cung cấp hóa đơn của hợp đồng số 05 ngày 02/01/2018 của ông K1, đại diện nguyên đơn có quan điểm sẽ cung cấp khi ông K1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nên các bên giải quyết theo thủ tục tài chính, kế toán, HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về yêu cầu của ông K1 đối với số tiền mua ngô giống 2.500 kg nhưng sau đó Công ty lấy lại 1.500 kg nhưng không đòi trừ tiền cho ông. Đại diện nguyên đơn cho rằng không liên quan đến số tiền của hợp đồng số 05 mua lúa giống. Mặt khác quá trình xét xử sơ thẩm không có yêu cầu xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không giải quyết. Sau này có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Từ những nội dung trên, căn cứ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 148-Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2020/DS -ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện YD , tỉnh BG .

2. Áp dụng: Điều 357, Điều 385, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436 và Điều 440- Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26-Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư Kỹ thuật nông nghiệp B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư Kỹ thuật nông nghiệp B số tiền 321.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 281.500.000 đồng và nợ lãi là 39.500.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn K1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư Kỹ thuật nông nghiệp B số tiền 321.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 281.500.000 đồng và nợ lãi là 39.500.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày hoàn trả xong số tiền nợ gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được

quy định tại khoản 2 Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn K1 phải chịu 16.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.025.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0004297 ngày 30/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh BG .

3. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K1 phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004458 ngày 05/11/2020 của Chi cục THADS huyện YD.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BG;
- TAND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 29 tháng 9 năm 2017

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Mỹ

Bà Giáp Thị Hiền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLST-DS ngày 13/6/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Tịnh, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lý, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh BG .

Ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2017 cho ông Nguyễn Đình Huân, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hạ, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh BG .

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Oanh, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh BG .

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Ân, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lý, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh BG .

- Anh Bùi Văn Quế, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh BG

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Tịnh. Buộc chị Bùi Thị Oanh và anh Bùi Văn Quế phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn Tịnh tổng số tiền là 103.180.000 đồng (Một trăm linh ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 97.708.000 đồng (Chín mươi bảy triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng) và số tiền lãi 5.472.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Án phí: Chị Bùi Thị Oanh và anh Bùi Văn Quế có nghĩa vụ liên đới chịu 5.159.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Ngô Văn Tịnh số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003713 ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân